

Số: 1109/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan và về tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHĐP (3) S.Tùng.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng lộ trình tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch đã đề ra.

b) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án.

b) Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bối cảnh hội nhập quốc tế và điều kiện thực tiễn của địa phương.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, trong đó chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp.

d) Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, trong đó đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình đổi mới các mô hình phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng tạo ra giá trị, hiệu quả cao.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm trong thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Các chương trình, dự án triển khai thực hiện quy hoạch

a) Về dự án đầu tư công

- Tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, trong đó ưu tiên đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực giao thông, dự án có tính kết nối vùng, liên vùng, liên huyện, dự án phát triển đô thị, phát triển các ngành, sản phẩm, lĩnh vực quan trọng của địa phương...

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, cấp nước, thoát nước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, phòng cháy chữa cháy, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu...

b) Về dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của tỉnh nhằm phát huy tối đa hiệu quả các công trình hạ tầng đã và đang được đầu tư bởi các dự án đầu tư công; thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại các cực tăng trưởng của tỉnh.

- Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sử dụng ít tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường; tăng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện hữu và đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới phục vụ nhu cầu phát triển của Tỉnh. Ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh của Tỉnh như: Chuỗi liên kết sản xuất điện tử, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô; công nghiệp chế biến, chế tạo, khai thác, chế biến chế biến khoáng sản, dệt may, da giày, chế biến nông sản, công nghiệp phụ trợ; sản xuất điện, năng lượng tái tạo; sân bay chuyên dùng; hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

- Phát triển mạnh mẽ dịch vụ - đô thị, logistics, dịch vụ tài chính - ngân hàng, bưu chính viễn thông có trọng tâm, trọng điểm; thu hút các doanh nghiệp có thương hiệu, quy mô lớn, đảm bảo năng lực để đầu tư vào các khu du lịch, khu đô thị theo hướng bền vững, gắn với phát huy giá trị di sản, di tích lịch sử, văn hóa và bản sắc văn hóa các dân tộc của tỉnh; hình thành các khu dịch vụ tổng hợp cấp tỉnh. Phát triển du lịch kết hợp với nghỉ dưỡng, sinh thái, các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe có giá trị cao;...

- Phát triển nông nghiệp theo hướng hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp với quy mô thích hợp, thu hút doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp của địa phương theo chiều sâu, tạo giá trị gia tăng cao. Phát triển

khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phần đầu trở thành trung tâm sản xuất, chế biến gỗ của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

c) Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện đến năm 2030

- Định hướng danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện đến năm 2030 theo các ngành, lĩnh vực.

- Quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của các dự án đầu tư công và đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công sẽ được tính toán, xác định trong từng giai đoạn cụ thể và trong quá trình triển khai đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan.

(Chi tiết danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện tại Phụ lục kèm theo)

2. Kế hoạch sử dụng đất

a) Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định khác có liên quan.

b) Xây dựng kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trên cơ sở nhu cầu phát triển, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững và phù hợp với các định hướng sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của cả nước, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc.

3. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội theo kịch bản tăng trưởng 9,5% trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030 là khoảng 361.000 tỷ đồng, trong đó vốn của khu vực Nhà nước sẽ được quyết định tại kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hằng năm và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước; vốn ODA thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn ODA; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và vốn khu vực ngoài nhà nước phụ thuộc vào khả năng thu hút đầu tư của địa phương; cụ thể:

Đơn vị: Tỷ đồng

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021 - 2030	
	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
Tổng cộng	142.000	219.000
Nguồn vốn khu vực nhà nước	36.000	58.000
Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	93.000	122.000
Nguồn vốn ODA và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	13.000	39.000

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Tiếp tục rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển, hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch. Rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã được phê duyệt.

b) Nghiên cứu, ban hành các đề án, chính sách phát triển các ngành kinh tế, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển đi kèm với các chính sách ưu đãi đầu tư để tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ kinh tế tư nhân, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân tham gia trong quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách đầu tư - kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

c) Ban hành kịp thời, đồng bộ, thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội, gắn với tiến bộ, công bằng xã hội phù hợp với thành tựu phát triển kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Nghiên cứu, triển khai chương trình hỗ trợ nguồn lực cho khu vực kinh tế tư nhân, trong đó hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư tiềm năng, mang lại lợi ích kinh tế cho địa phương.

b) Tăng cường và tổ chức hội nghị đối thoại giữa doanh nghiệp và các cấp chính quyền.

c) Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư cởi mở, thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp nước

ngoài trên địa bàn. Tiếp tục kêu gọi thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến nông lâm sản, trồng rừng kinh tế, phát triển du lịch,... Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các khu du lịch, khu, cụm công nghiệp như: Cấp điện, nước, đường giao thông; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư đúng tiến độ đề ra. Kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là thủ tục hành chính trong công tác thẩm định, cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn các nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội và tiến hành đầu tư tại tỉnh; rà soát, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án triển khai chậm, kém hiệu quả.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động và xu thế nghề nghiệp. Tăng cường các hoạt động tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về công tác cải cách quản lý nguồn nhân lực, lấy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động làm phương châm chính trong quản lý nhân sự.

b) Nâng cao chất lượng hệ thống các trường học và đội ngũ giáo viên, học sinh. Tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục, bảo đảm tỷ lệ chi cho giáo dục trong tổng ngân sách nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và quản lý sử dụng có hiệu quả. Đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên cho những vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích liên kết hợp tác với các tổ chức giáo dục nước ngoài có uy tín. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về kỹ năng, chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

c) Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và việc làm bền vững; đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng, thiết bị, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến; đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của tỉnh. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực có chất lượng trong các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo, đặc biệt là các ngành du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao. Nghiên cứu và xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc mọi lĩnh vực.

d) củng cố chất lượng đào tạo của Trường Đại học Tân Trào, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất cho Trường Đại học Tân Trào, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung cho các nghề trọng điểm; tăng cường liên kết giữa Trường Đại học Tân Trào, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp sử dụng lao động hoặc trung gian và đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo đơn

đặt hàng, nhu cầu của doanh nghiệp; triển khai đào tạo nghề theo hình thức kết hợp các chương trình chia sẻ nguồn lực đào tạo giữa các doanh nghiệp và liên kết với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực chất lượng cao trên cơ sở kết hợp nguồn lực giữa doanh nghiệp và các chính sách ưu đãi của tỉnh nhằm tận dụng nguồn nhân lực sẵn có trên địa bàn.

đ) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp. Tăng cường đổi mới và thực hiện đồng bộ các khâu, các quy trình về công tác cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hệ thống chính trị và phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, các cấp, các ngành trong thực thi nhiệm vụ công vụ.

e) Tập trung ưu tiên hỗ trợ đào tạo doanh nhân, các chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Kết hợp với các cơ sở đào tạo nghề thực hiện các chương trình và hình thức đào tạo, đào tạo lại gồm cả nâng cao kỹ năng tác nghiệp hướng tới tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm đáp ứng tình hình mới.

4. Về phát triển khoa học và công nghệ

a) Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế của địa phương theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm, hàng hóa có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và thế giới. Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển cách mạng công nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số,...

b) Khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên đầu tư ngân sách để nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập. Tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập huy động, khai thác tối đa các nguồn lực đầu tư để đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng theo quy định hiện hành; tăng cường năng lực, đầu tư thiết bị và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

c) Ưu tiên bố trí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ từ 1,2 - 1,5%, phấn đấu đạt mức 2% tổng chi ngân sách địa phương cho nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để bảo đảm đủ nguồn lực phát huy hiệu quả vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

5. Về bảo đảm an sinh xã hội

a) Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; quan tâm đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế

xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng thành quả phát triển và các dịch vụ xã hội cơ bản. Triển khai có hiệu quả các chương trình giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn với các trung tâm đô thị, hành lang kinh tế.

b) Thực hiện tốt công tác giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo và thoát nghèo bền vững. Đẩy mạnh công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện. Thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Đẩy mạnh công tác dân tộc, tôn giáo, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc; kịp thời phổ biến các luật và văn bản dưới luật để điều hành, chỉ đạo, tổ chức, hỗ trợ các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng theo hiến chương, điều lệ của giáo hội và thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam. Quản lý hoạt động của các tôn giáo, tạo điều kiện cho giới chức và tín đồ có hoạt động tôn giáo thông thường nhưng vẫn bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.

6. Về bảo vệ môi trường

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, bố trí đủ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề môi trường.

c) Xây dựng quy chế quản lý chất thải, ô nhiễm, tính đúng các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề.

d) Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất; bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản; bảo vệ và phát triển rừng.

đ) Ưu tiên triển khai quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị mới có áp dụng các nguyên lý và kỹ thuật hiện đại nhằm hướng tới phát triển các đô thị sinh thái (tuần hoàn năng lượng, chất thải, bảo vệ duy trì cảnh quan môi trường tự nhiên, tiêu dùng năng lượng tiết kiệm và năng lượng tái tạo) hoặc chỉnh trang đô thị với quy mô lớn theo định hướng sinh thái hóa, bền vững hóa các hoạt động kinh tế - xã hội và môi trường trong các đô thị.

e) Trên cơ sở quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp tỉnh phù hợp với mục tiêu quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước, định kỳ tổ chức rà soát quy hoạch để điều chỉnh kịp thời, phù hợp nhằm bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm, bảo đảm phù hợp, thống nhất với kế hoạch tài chính 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; tăng cường phân cấp quản lý đầu tư, tạo sự thông thoáng, nâng cao trách nhiệm và phát huy tính chủ động của các địa phương trong quản lý đầu tư công.

b) Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; ưu tiên hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các dự án trọng điểm của các địa phương có tính chất lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

c) Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán chi ngân sách theo hướng đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị gắn với chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công và tinh giản biên chế.

d) Thực hiện hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách bền vững; nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu bền vững, giảm tỷ trọng thu từ sử dụng đất, tăng tỷ trọng thu từ sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu; khuyến khích mở rộng các loại hình dịch vụ tài chính (kiểm toán, bảo hiểm, cho thuê tài chính, tư vấn tài chính...) phục vụ nhu cầu của thị trường. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

8. Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Tiếp tục giữ vững ổn định, củng cố, kiện toàn bộ máy và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương. Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thể trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; rà soát, cập nhật và triển khai thực hiện Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không

đề bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, phường, thị trấn; rà soát, cập nhật và triển khai thực hiện Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang trong quá trình thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) Tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang; (iii) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2024; (iv) tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án trong danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư; (v) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư (nếu có), chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin rộng rãi tới Nhân dân, các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài và chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Định kỳ báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định./

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
I	Lĩnh vực phát triển đô thị				
1	Các đô thị hình thành đến năm 2025				
1.1	Đô thị loại II (Thành phố Tuyên Quang)	X	X	X	X
1.2	Đô thị loại V (các thị trấn: Lãng Can, huyện Lâm Bình; Na Hang, huyện Na Hang; Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa; Tân Yên, huyện Hàm Yên; Yên Sơn, huyện Yên Sơn; Sơn Dương, huyện Sơn Dương).	X	X	X	X
2	Các đô thị hình thành đến năm 2030				
2.1	Đô thị loại I (Thành phố Tuyên Quang)	X	X	X	X
2.2	Đô thị loại IV (thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa; thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương).	X	X	X	X
2.3	Đô thị loại V				

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
-	Giữ nguyên 04 đô thị đã hoàn thiện đến hết năm 2025. Đầu tư xây dựng thị trấn Na Hang, huyện Na Hang; thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên đạt tiêu chí đô thị loại IV. Đầu tư xây dựng thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình; thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn theo tiêu chí đô thị loại IV.	X	X	X	X
-	Công nhận 06 đô thị loại V gồm: Đô thị Sơn Nam, huyện Sơn Dương; Đô thị Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn; Đô thị Phù Lưu, huyện Hàm Yên; Đô thị Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa; Đô thị Hồng Lạc, huyện Sơn Dương (Đô thị Hồng Sơn); Đô thị Trung Môn, huyện Yên Sơn.	X	X	X	X
-	Phấn đấu công nhận 11 đô thị loại V gồm: đô thị Thái Sơn, huyện Hàm Yên; đô thị Tân Trào, huyện Sơn Dương; đô thị Kim Bình, Trung Hà, Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa; đô thị Đà Vị, Yên Hoa, huyện Na Hang; đô thị Xuân Vân, Trung Sơn, huyện Yên Sơn; đô thị Thượng Lâm, Phúc Sơn, huyện Lâm Bình.	X	X	X	X
II	Lĩnh vực phát triển công nghiệp				
1	Phát triển các Khu công nghiệp				
1.1	Thành lập mới khu công nghiệp Tam Đa; khu công nghiệp Nhữ Khê - Đội Cấn.	X	X	X	X
1.2	Mở rộng khu công nghiệp Long Bình An khi tỉnh được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.	X	X	X	X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
1.3	Thành lập mới các khu công nghiệp: Tân Long, Nhữ Khê, Nam Sơn Dương, Thái Sơn - Thành Long khi tỉnh được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chuyển đổi Khu công nghiệp Sơn Nam thành Cụm công nghiệp Sơn Nam.		X	X	X
2	Phát triển các Cụm công nghiệp				
2.1	Thành lập mới CCN An Hòa - Long Bình An, CCN Thái Long - Lưỡng Vượng tại thành phố Tuyên Quang	X	X		X
2.2	Thành lập mới CCN Nhữ Khê, CCN Trung Môn, CCN Yên Sơn, CCN Phú Thịnh, CCN Xuân Vân; mở rộng CCN Thắng Quân tại huyện Yên Sơn	X	X		X
2.3	Thành lập mới CCN Ninh Lai - Thiện Kế, CCN Phúc Ứng 2, CCN Phúc Ứng 3, CCN Tam Đa; CCN Sơn Nam (chuyển đổi từ KCN Sơn Nam) tại huyện Sơn Dương	X	X		X
2.4	Thành lập mới CCN Trung Hòa, CCN Xuân Quang, CCN Yên Nguyên tại huyện Chiêm Hóa	X	X		X
2.5	Thành lập mới CCN Thái Sơn, CCN Đức Ninh tại huyện Hàm Yên	X	X		X
2.6	Thành lập mới CCN Phúc Sơn 1, CCN Phúc Sơn 2 tại huyện Lâm Bình	X	X		X
III	Lĩnh vực phát triển du lịch, bảo tồn, tu bổ phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh				
1	Đầu tư hạ tầng Khu du lịch Quốc gia Tân Trào	X	X	X	X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu du lịch sinh thái Na Hang - Lâm Bình, Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, Khu du lịch sinh thái Đồng Man - Lũng Tầu, ...	X	X	X	X
3	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các điểm du lịch: xã Hồng Thái, thác Bản Ba, thác Khuôn Nhòa, thôn Cao Đường, thác Lăn, thác Mạ Héc, soi Tình Húc, hang Gió, hang Khâu Lầu, hồ Hoa Lũng, hồ Khởn... Duy trì và nâng tầm Lễ hội Thành Tuyên trở thành lễ hội có quy mô và thương hiệu Quốc tế.		X	X	X
4	Lập hồ sơ khoa học Khu di sản thiên nhiên Ba Bể (Bắc Kạn) - Na Hang (Tuyên Quang)		X	X	X
5	Khảo sát, xếp hạng 05 di tích quốc gia; 20 di tích cấp tỉnh		X	X	X
6	Khảo sát, lập hồ sơ đề nghị công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Phục dựng lễ hội truyền thống; di sản phi vật thể của dân tộc Dao, Sán Dìu.		X	X	X
7	Bảo tồn không gian văn hóa truyền thống Dân tộc Tày, Dao, Cao Lan, Sán Dìu, Mông, Nùng...; xây dựng làng văn hóa dân tộc gắn với phát triển du dịch tại các huyện, thành phố.		X	X	X
IV	Lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đường thủy nội địa, cảng cạn, sân bay				
1	Các tuyến đường cao tốc trên địa bàn tỉnh (thực hiện theo Kế hoạch đầu tư của Bộ Giao thông vận tải)				

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
2	Các tuyến đường quốc lộ trên địa bàn tỉnh (thực hiện theo Kế hoạch đầu tư của Bộ Giao thông vận tải)				
3	Đường tỉnh				
3.1	Đường kết nối liên vùng				
3.1.1	Đường kết nối liên vùng Phở Yên (Thái Nguyên) - Tuyên Quang - Yên Bái		X	X	
3.1.2	Đường kết nối huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang – huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (ĐT.192)	X		X	
3.1.3	Đường từ thành phố Tuyên Quang đi xã Tam Đa, huyện Sơn Dương kết nối với tỉnh Vĩnh Phúc (ĐT.187).	X	X	X	
3.1.4	Đường Ninh Lai - Đạo Trù - IC4 cao tốc Nội Bài-Lào Cai (ĐT.185).	X	X	X	
3.1.5	Đường kết nối liên vùng Bắc Kạn - Tuyên Quang - Hà Giang		X	X	
3.1.6	Đường kết nối Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Tân Trào với Di tích lịch sử ATK Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên		X	X	
3.1.7	Đường kết nối thành phố Tuyên Quang sang tỉnh Yên Bái	X	X	X	
3.1.8	Đường từ huyện Hàm Yên (Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang) đến huyện Chiêm Hóa, huyện Na Hang kết nối với tỉnh Bắc Kạn (ĐT.191)	X	X	X	
3.2	Đường tỉnh hiện hữu				
3.2.1	ĐT.185 (Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương, huyện Chiêm Hóa, huyện Na Hang)	X	X	X	
3.2.2	ĐT.186 (Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương)	X	X	X	

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
3.2.3	ĐT.188 (Huyện Yên Sơn, huyện Chiêm Hóa, huyện Na Hang, huyện Lâm Bình)	X	X	X	
3.2.4	ĐT.189 (Huyện Hàm Yên)	X	X	X	
3.3	Đường tỉnh quy hoạch mới				
3.3.1	Đường Tam Đa - Bình An (ĐT.187: Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương, huyện Chiêm Hóa, huyện Na Hang, huyện Lâm Bình)		X	X	
3.3.2	Đường Bạch Xa - Phù Lưu - Trung Hà - Tân Mỹ (ĐT.190: Huyện Hàm Yên, huyện Chiêm Hóa)		X	X	
3.3.3	Đường Đà Vị - Hồng Thái - Yên Hoa - Sinh Long (ĐT.192: Huyện Na Hang)		X	X	
3.3.4	Đường Nhữ Khê - Đội Bình - Đông Thọ - Hợp Thành (ĐT.193: Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương)		X	X	
3.3.5	Đường Hùng Đức - Thái Hoà - Chiêu Yên - Bình Nhân - Linh Phú (ĐT.195: Huyện Hàm Yên, huyện Chiêm Hóa)		X	X	
4	Đường vành đai thành phố Tuyên Quang (Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn)	X	X	X	
5	Đường thủy nội địa				
5.1	Cảng cấp quốc gia: Cảng Tam Sơn; Cảng Tuyên Quang; Cảng An Hoà; Cảng Chiêm Hoá; Cảng Na Hang; Cảng vùng hồ thủy điện Tuyên Quang; Cụm cảng khách vùng hồ thủy điện Tuyên Quang	X	X	X	X
5.2	Bến cấp tỉnh: Bến thủy nội địa; bến khách ngang sông và các bến khác	X	X		X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
6	Cảng cạn ICD tại thành phố Tuyên Quang	X	X		X
7	Đầu tư xây dựng Sân bay chuyên dùng tại huyện Na Hang (huyện Na Hang) ¹	X	X		X
V	Lĩnh vực phát triển mạng lưới cấp điện				
1	Nguồn điện				
1.1	Thủy điện Suối Ba 2	X	X		X
1.2	Thủy điện Thác Gióm	X	X		X
1.3	Thủy điện Khuôn Cọ	X	X		X
1.4	Thủy điện Hùng Lợi 1		X		X
1.5	Thủy điện Hùng Lợi 2		X		X
1.6	Thủy điện Hùng Lợi 3	X	X		X
1.7	Nhà máy điện sinh khối	X	X		X
2	Nguồn điện tiềm năng tại Phụ lục III Quy hoạch điện VIII				
	Mở rộng nhà máy thủy điện Tuyên Quang (01 tổ máy) ²	X	X		X
3	Lưới điện				
3.1	Lưới điện 220kV: Cải tạo, nâng cấp các TBA hiện có; xây dựng mới, cải tạo các đường dây đảm bảo đồng bộ.	X	X	X	X

¹ sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng

² tiếp tục nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng về hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, môi trường, nhu cầu hệ thống, thời điểm xuất hiện,... để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và sau này

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
3.2	Lưới điện 110kV: Xây dựng mới các TBA 110kV tại Yên Sơn, Chiêm Hóa 2, Hồng Lạc (nay thuộc xã Hồng Sơn), Phú Lâm, Hàm Yên 2, Nhữ Khê, Đội Cấn, Tam Đa, Thái Sơn, Thành Long, Suối Ba 2, Điện sinh khối Tuyên Quang, Sông Lô 7; cải tạo, nâng cấp các TBA hiện có; xây dựng mới, cải tạo các đường dây đảm bảo đồng bộ.	X	X	X	X
4	Trạm sạc điện				
4.1	Tối thiểu tại thành phố Tuyên Quang có 05 trạm sạc điện	X	X	X	X
4.2	Tối thiểu mỗi huyện có 02 trạm sạc điện	X	X	X	X
VI	Lĩnh vực phát triển thủy lợi				
1	Sửa chữa tuyến đê Vĩnh Lợi - Lâm Xuyên (nay là Trường Sinh)	X		X	
2	Sửa chữa tuyến đê tả sông Lô	X		X	
3	Xây dựng mới hồ Cao Ngồi	X	X	X	
4	Cải tạo, nâng cấp hồ Ngòi Là 1	X		X	
5	Cải tạo, nâng cấp hồ Ngòi Là 2	X	X	X	
6	Cải tạo, nâng cấp hồ Hoàng Khai	X	X	X	
VII	Lĩnh vực phát triển mạng lưới cấp nước				
1	Cấp nước đô thị				
1.1	Trạm xử lý nước mặt lấy nước từ nguồn sông Lô	X	X	X	X
1.2	Trạm xử lý nước mặt thành phố Tuyên Quang	X	X	X	X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
1.3	Nhà máy xử lý nước mặt sông Lô tại An Tường	X	X	X	X
1.4	Nhà máy nước sạch thị trấn Na Hang	X	X	X	X
1.5	Trạm xử lý và cấp nước thị trấn Tân Yên	X	X	X	X
1.6	Trạm xử lý và cấp nước thị trấn Vĩnh Lộc	X	X	X	X
1.7	Trạm xử lý và cấp nước thị trấn Sơn Dương	X	X	X	X
1.8	Trạm xử lý và cấp nước Yên Hoa	X	X	X	X
1.9	Trạm xử lý và cấp nước Trung Sơn	X	X	X	X
1.10	Trạm xử lý và cấp nước Tân Trào	X	X	X	X
1.11	Trạm xử lý và cấp nước Hồng Lạc (nay thuộc xã Hồng Sơn)	X	X	X	X
1.12	Trạm xử lý và cấp nước Sơn Nam	X	X	X	X
1.13	Trạm xử lý và cấp nước Yên Sơn	X	X	X	X
1.14	Trạm xử lý và cấp nước Mỹ Bằng	X	X	X	X
1.15	Trạm xử lý và cấp nước Lâm Bình	X	X	X	X
1.16	Trạm xử lý và cấp nước Thượng Lâm	X	X	X	X
1.17	Trạm xử lý và cấp nước Hoà Phú	X	X	X	X
1.18	Trạm xử lý và cấp nước Ngọc Hội	X	X	X	X
1.19	Trạm xử lý và cấp nước Trung Hà	X	X	X	X
1.20	Trạm xử lý và cấp nước Kim Bình	X	X	X	X
1.21	Trạm xử lý và cấp nước Phúc Sơn	X	X	X	X
1.22	Trạm xử lý và cấp nước Phù Lưu	X	X	X	X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
1.23	Trạm xử lý và cấp nước Thái Sơn	X	X	X	X
1.24	Trạm xử lý và cấp nước Xuân Vân	X	X	X	X
1.25	Trạm xử lý và cấp nước Hồng Thái	X	X	X	X
1.26	Trạm xử lý và cấp nước Khuôn Hà	X	X	X	X
2	Cấp nước công nghiệp				
2.1	Nhà máy cấp nước Long Bình An	X	X	X	X
2.2	Trạm cấp nước công nghiệp Nam Sơn Dương	X	X	X	X
2.3	Trạm cấp nước công nghiệp Tam Đa	X	X	X	X
2.4	Trạm cấp nước công nghiệp Thái Sơn		X	X	X
2.5	Trạm cấp nước công nghiệp Nhữ Khê	X	X	X	X
VIII	Lĩnh vực phát triển khu nghĩa trang, xử lý chất thải				
1	Khu xử lý chất thải cấp tỉnh				
1.1	Khu xử lý chất thải Nhữ Khê	X	X	X	X
1.2	Khu xử lý chất thải Phúc Ứng	X	X	X	X
1.3	Khu xử lý chất thải Thái Sơn	X	X	X	X
2	Khu xử lý chất thải liên huyện				
2.1	Khu xử lý chất thải Phúc Thịnh	X	X	X	X
2.2	Khu xử lý chất thải Năng Khả	X	X	X	X
2.3	Khu xử lý chất thải Lâm Bình	X	X	X	X
2.4	Khu xử lý chất thải Hồng Lạc (nay thuộc xã Hồng Sơn)	X	X	X	X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
2.5	Khu xử lý chất thải Minh Dân	X	X	X	X
3	Khu nghĩa trang cấp tỉnh				
3.1	Công viên nghĩa trang Thiên Đường	X	X	X	X
3.2	Nghĩa trang Trung Môn	X	X	X	X
3.3	Nghĩa trang Phúc Yên	X	X	X	X
3.4	Nghĩa trang Năng Khả	X	X	X	X
3.5	Nghĩa trang huyện Chiêm Hóa	X	X	X	X
3.6	Nghĩa trang huyện Hàm Yên	X	X	X	X
3.7	Nghĩa trang huyện Sơn Dương	X	X	X	X
IX	Lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao				
1	Dự án bảo quản tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Khu Di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào		X	X	X
2	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Khu Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.		X	X	X
3	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình	X		X	X
4	Tu bổ, tôn tạo 45 di tích quốc gia; 05 di tích cấp tỉnh		X	X	X
5	Khu liên hợp thể thao tỉnh, gồm Nhà thi đấu đa năng, Sân vận động, Khu thể thao dưới nước, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao và các hạng mục phụ trợ khác.		X	X	X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
6	Trung tâm Văn hóa tỉnh; Trung tâm thể dục thể thao thành phố Tuyên Quang		X	X	X
7	Trung tâm thanh thiếu nhi, huyện Sơn Dương; Khu văn hóa, thể dục thể thao huyện Sơn Dương.	X		X	X
8	Khu thể thao, văn hóa huyện Yên Sơn		X	X	X
9	Khu thể thao, văn hóa huyện Hàm Yên		X	X	X
10	Sân vận động huyện Hàm Yên		X	X	X
11	Khu thể thao, văn hóa huyện Lâm Bình		X	X	X
12	Sân vận động trung tâm và Nhà thi đấu huyện Chiêm Hóa		X	X	X
13	Khu thể thao, văn hóa huyện Na Hang		X	X	X
X	Lĩnh vực phương án phát triển khu đô thị, dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân golf				
1	Các khu hình thành mới trong thời kỳ 2021-2030				
1.1	02 khu Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao sân golf tại huyện Yên Sơn	X			X
1.2	01 khu Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao sân golf tại huyện Sơn Dương	X			X
1.3	Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm	X			X
1.4	Khu vui chơi giải trí nghỉ dưỡng công cộng thuộc Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm	X			X
1.5	Dự án sân golf Mỹ Lâm – Tuyên Quang	X			X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
1.6	Khu công viên thể dục, thể thao Mỹ Lâm	X			X
1.7	Khu nghỉ dưỡng suối khoáng nóng cao cấp Mỹ Lâm	X			X
1.8	Khu đô thị Tân Quang City 1		X		X
1.9	Khu đô thị thương mại dịch vụ Trung Việt		X		X
1.10	Khu đô thị Tân Hà	X			X
1.11	Khu đô thị LUXURY PARK VIEWS	X			X
1.12	Khu đô thị Tân Trào		X		X
1.13	Chỉnh trang đô thị tổ 9 phường Ý La (khu dân cư Quán Hùng)	X			X
1.14	Khu nhà ở phường Ý La		X		X
1.15	Chỉnh trang đô thị tổ 6 phường Nông Tiến		X		X
1.16	Khu đô thị mới Ý La		X		X
1.17	Khu nhà ở đô thị Phương Bắc		X		X
1.18	Khu đô thị An Phú		X		X
1.19	Khu nhà ở Hưng Thành		X		X
1.20	Khu đô thị Mimoso	X			X
1.21	Khu nhà ở dịch vụ thương mại Phú Lâm		X		X
1.22	Khu đô thị tại xã Lương Vượng		X		X
1.23	Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Ý La.		X		X
1.24	Khu đô thị tại phường Ý La.		X		X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
1.25	Khu đô thị mới Kim Phú		X		X
1.26	Khu đô thị Kim Phú	X			X
1.27	Khu đô thị dịch vụ và dân cư Nông Tiến	X			X
1.28	Dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường Hưng Thành	X			X
1.29	Khu phát triển nhà ở đô thị Tuyên Quang tại phường Tân Hà	X			X
1.30	Khu đô thị An Tường Riverside, phường An Tường	X			X
1.31	Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm		X		X
1.32	Tổ hợp dịch vụ gôn tại phường An Tường	X			X
1.33	Tổ hợp sân chơi thông minh – sân tập thể dục thể thao và trung tâm dịch vụ thương mại (family park – Tuyên Quang)		X		X
1.34	Trung tâm nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe quốc tế AD tại xã Kim Phú và phường Mỹ Lâm	X			X
1.35	Tổ hợp nhà ở xã hội - dịch vụ tại phường Đội Cấn		X		X
1.36	Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Phú Lâm		X		X
1.37	Dự án showroom ô tô và cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại xã Lương Vượng	X			X
1.38	Khu đô thị phường Hưng Thành		X		X
1.39	Khu nhà ở cao cấp Thành Tuyên tại phường Tân Quang	X			X
1.40	Khu nhà ở tại tổ 10, phường Nông Tiến.		X		X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
1.41	Khu đô thị sinh thái tại xã Lưỡng Vượng	X			X
1.42	Khu phức hợp sinh thái Tình Húc	X			X
1.43	Khu đô thị An Mỹ Hưng, phường Đội Cấn	X			X
1.44	Khu dân cư Phú Mỹ Hưng, xã Kim Phú và xã Hoàng Khai		X		X
1.45	Khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng, và dự án Sân gôn hồ Ngòi Là tại các xã Chân Sơn, Trung Môn, Kim Phú huyện Yên Sơn, thành phố Tuyên Quang.		X		X
1.46	Khu đô thị Tuyên Quang		X		X
1.47	Khu dân cư sinh thái Phú Mỹ Hưng	X			X
1.48	Khu dân cư mới tại xã Trung Môn		X		X
1.49	Khu dân cư Tân Trào		X		X
1.50	Khu dân cư Lý Nhân		X		X
1.51	Khu dân cư xã Trung Môn		X		X
1.52	Khu dân cư sinh thái Mimosa tại xã Nhữ Khê, xã Nhữ Hán	X			X
1.53	Khu đô thị sinh thái Sơn Dương, thị trấn Sơn Dương	X			X
1.54	Làng văn hóa du lịch và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào tại xã Tân Trào	X			X
1.55	Khu dân cư tại thị trấn Sơn Dương		X		X
1.56	Khu lâm viên hồ Hoa Lãng, xã Đại Phú	X			X
1.57	Chỉnh trang đô thị tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Tân Yên Tân Tiến		X		X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
1.58	Chỉnh trang đô thị tổ dân phố Tân Yên, thị trấn Tân Yên		X		X
1.59	Chỉnh trang đô thị tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên		X		X
1.60	Khu dân cư kết hợp khu trưng bày giới thiệu sản phẩm nông sản xã Phù Lưu	X			X
1.61	Khu thương mại, dịch vụ và nhà ở (tại vị trí đất trụ sở HĐND và UBND huyện cũ) tại huyện Hàm Yên	X			X
1.62	Khu du lịch, dịch vụ hồ Khôn, xã Thái Sơn		X		X
1.63	Khu dân cư tại tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên		X		X
1.64	Khu đô thị mới tại tổ dân phố Vĩnh Thịnh, thị trấn Vĩnh Lộc	X	X		X
1.65	Khu dân cư và Khu thương mại dịch vụ tại thôn Tụ, xã Phúc Thịnh	X	X		X
1.66	Khu thương mại và du lịch tại trung tâm thị trấn Na Hang	X	X		X
1.67	Làng hạnh phúc tại huyện Na Hang	X	X		X
1.68	Khu du lịch sinh thái hồ thủy điện Na Hang	X	X		X
2	Dự kiến các khu khi tỉnh được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và Kế hoạch sử dụng đất				
2.1	01 khu Tổ hợp thương mại dịch vụ huyện Hàm Yên		X		X
2.2	03 khu Tổ hợp thương mại dịch vụ huyện Na Hang		X		X
2.3	04 khu Tổ hợp thương mại dịch vụ huyện Lâm Bình		X		X
2.4	01 khu Tổ hợp thương mại dịch vụ huyện Chiêm Hóa		X		X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
XI	Lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục - đào tạo				
1	Trường học khu vực công lập				
1.1	Xây dựng Trường Trung học phổ thông Tân Trào		X	X	
1.2	Xây dựng Trường THPT Chuyên	X	X	X	
1.3	Xây dựng Trường THPT Trung Sơn	X		X	
1.4	Xây dựng Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Chiêm Hóa		X	X	
1.5	Xây dựng Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Na Hang	X		X	
1.6	Các trường THPT, liên cấp THCS-THPT, PTDT nội trú khác	X	X	X	
2	Trường khu vực ngoài công lập				
	Thu hút đầu tư thành lập tối thiểu 03 Trường THPT, liên cấp THCS-THPT, liên cấp THPT-THCS-TH ngoài công lập		X		X
3	Giáo dục nghề nghiệp, đại học				
3.1	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang	X	X	X	X
3.2	Các Trường Trung cấp		X	X	X
3.3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp thuộc hội, doanh nghiệp		X	X	X
3.4	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc doanh nghiệp		X	X	X
3.5	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên các huyện	X	X	X	X
3.6	Trường Đại học Tân Trào	X	X	X	X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
XII	Lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng y tế				
1	Bệnh viện tuyến tỉnh				
1.1	Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang	X	X	X	
1.2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	
1.3	Bệnh viện Phổi		X	X	
1.4	Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm	X		X	
1.5	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen, tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	
1.6	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC)	X	X	X	
1.7	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Giám định pháp y (<i>Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm</i>)		X	X	
1.8	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (<i>Chi cục dân số - kế hoạch hóa gia đình, Trung tâm Giám định y khoa, Trung tâm Giám định pháp y</i>)		X	X	
1.9	Bệnh viện Công an tỉnh		X	X	
2	Cơ sở y tế tuyến huyện				
2.1	Trung tâm Y tế thành phố Tuyên Quang		X	X	
2.2	Trung tâm Y tế huyện Sơn Dương	X		X	
2.3	Bệnh viện Đa khoa khu vực Kim Xuyên	X	X	X	
2.4	Phòng khám Đa khoa khu vực Sơn Nam	X		X	
2.5	Phòng khám Đa khoa khu vực Đông Thọ	X		X	

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
2.6	Phòng khám Đa khoa khu vực Tân Trào	X		X	
2.7	Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên	X	X	X	
2.8	Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn		X	X	
2.9	Bệnh viện Đa khoa khu vực ATK		X	X	
2.10	Phòng khám Đa khoa khu vực Xuân Vân	X		X	
2.11	Phòng khám Đa khoa khu vực Trung Môn	X		X	
2.12	Phòng khám Đa khoa khu vực Tháng 10	X		X	
2.13	Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa		X	X	
2.14	Phòng khám Đa khoa khu vực Kim Bình	X		X	
2.15	Trung tâm Y tế huyện Lâm Bình		X	X	
2.16	Phòng khám Đa khoa khu vực Thượng Lâm	X		X	
2.17	Phòng khám Đa khoa khu vực Minh Đức	X		X	
2.18	Trung tâm Y tế huyện Na Hang	X		X	
2.19	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Hoa		X	X	
2.20	Trung tâm y tế huyện Na Hang (tại khu vực xã Năng Khả hiện nay)		X	X	
3	Các cơ sở y tế ngoài công lập				
3.1	Thu hút đầu tư thêm 05 cơ sở tại thành phố Tuyên Quang	X	X		X
3.2	Thu hút đầu tư thêm 03 cơ sở tại huyện Sơn Dương	X	X		X
3.3	Thu hút đầu tư thêm 02 cơ sở tại huyện Yên Sơn		X		X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
3.4	Thu hút đầu tư thêm 02 cơ sở tại huyện Hàm Yên		X		X
3.5	Thu hút đầu tư thêm 02 cơ sở tại huyện Chiêm Hóa		X		X
3.6	Thu hút đầu tư thêm 01 cơ sở tại huyện Na Hang		X		X
3.7	Thu hút đầu tư thêm 01 cơ sở tại huyện Lâm Bình		X		X
XIII	Lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng trợ giúp xã hội				
1	Trung tâm dịch vụ việc làm		X	X	
2	Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em	X	X	X	
3	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	X	X	X	
4	Cơ sở chăm sóc người cao tuổi/người tâm thần		X	X	
5	Trung tâm Điều dưỡng người có công	X	X	X	
6	Thu hút, mời gọi đầu tư ít nhất 03 cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập		X		X
XIV	Lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, triển lãm, logistics, xăng dầu				
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa 15 chợ tại thành phố Tuyên Quang	X	X	X	X
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa 05 chợ tại huyện Lâm Bình	X	X	X	X
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa 9 chợ tại huyện Na Hang	X	X	X	X
4	Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa 11 chợ tại huyện Chiêm Hóa	X	X	X	X
5	Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa 09 chợ tại huyện Hàm Yên	X	X	X	X

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
6	Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa 15 chợ tại huyện Yên Sơn	X	X	X	X
7	Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa 19 chợ tại huyện Sơn Dương	X	X	X	X
8	Trung tâm hội chợ triển lãm tại thành phố Tuyên Quang (bao gồm cơ sở hạ tầng Trung tâm thông tin thương mại)	X	X	X	X
9	Khu logistic tại thành phố Tuyên Quang và các huyện	X	X		X
10	Kho xăng dầu tại tỉnh Tuyên Quang quy mô khoảng 5.000m ³		X		X
XV	Các lĩnh vực khác thực hiện theo danh mục dự án và phân kỳ đầu tư trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn, khả năng thu hút đầu tư và huy động nguồn vốn				
	Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, sản xuất kinh doanh khác thuộc các ngành, lĩnh vực theo các Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các quy hoạch đô thị, nông thôn và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (trên địa bàn tỉnh)	X	X	X	X

Ghi chú:

1. Trong quá trình nghiên cứu triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

2. Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư, thực hiện phê duyệt và triển khai đầu tư bảo đảm phù hợp các quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tiễn, khả năng huy động, bố trí các nguồn lực và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.